

Số: /BC-ĐCK-CCĐ

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện Thông tư số 43/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định tỷ lệ hao hụt xăng dầu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu

Ngày 08 tháng 12 năm 2015, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 43/2015/TT-BCT quy định tỷ lệ hao hụt xăng dầu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu (sau đây gọi tắt là Thông tư số 43/2015/TT-BCT). Theo đó, Thông tư số 43/2015/TT-BCT quy định tỷ lệ hao hụt xăng dầu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu bao gồm: xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, gia công xuất khẩu; pha chế; phân phối xăng dầu tại thị trường trong nước; tiếp nhận, bảo quản và vận chuyển xăng dầu. Tại thời điểm ban hành Thông tư số 43/2015/TT-BCT, các định mức hao hụt cho từng khâu của hoạt động kinh doanh xăng dầu (xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, gia công xuất khẩu; pha chế; phân phối xăng dầu tại thị trường trong nước; tiếp nhận, bảo quản và vận chuyển xăng dầu) hoàn toàn phù hợp với thực tế. Thông tư số 43/2015/TT-BCT ra đời đã giúp cho việc vận hành thị trường kinh doanh xăng dầu hoạt động ổn định các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh xăng dầu có cơ sở để xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tính toán hiệu quả hoạt động, có động lực để đầu tư công nghệ, thiết bị trong chuỗi hoạt động nhằm hạ thấp tỷ lệ hao hụt, nâng cao hiệu quả kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Các cơ quan quản lý có công cụ để quản lý hoạt động và đánh giá hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu.

Sau gần 10 năm triển khai thực hiện Thông tư số 43/2015/TT-BCT, bên cạnh các kết quả tích cực đạt được là chủ yếu, cũng đã bộc lộ một số vấn đề bất cập do sự phát triển của công nghệ, thiết bị, trình độ quản lý v.v... làm cho các định mức ở một số khâu không còn phù hợp với thực tế. Việc ứng dụng, đầu tư đổi mới, nâng cấp hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, công nghệ, thiết bị ở các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu chưa đồng đều dẫn tới tỷ lệ hao hụt trong kinh doanh xăng dầu ở các doanh nghiệp có sự chênh lệch nhất định.

Báo cáo này sẽ đánh giá tổng thể tình hình thực hiện Thông tư số 43/2015/TT-BCT, định mức và hiện trạng áp dụng tỷ lệ hao hụt xăng dầu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu của các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trong nước. Đồng thời, báo cáo đánh giá những thuận lợi, khó khăn vướng mắc và đề xuất giải pháp thực hiện phù hợp với tình hình mới, cụ thể như sau:

I. Kết quả thực hiện Thông tư số 43/2015/TT-BCT

I.1. Về công tác quản lý, điều hành:

- Ngay sau khi Thông tư số 43/2015/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương có hiệu lực, Bộ Công Thương, các Bộ ngành liên quan và các địa phương trong cả nước đã ban hành nhiều văn bản và các biện pháp chỉ đạo, thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung của Thông tư số 43/2015/TT-BCT về tỷ lệ hao hụt xăng dầu ở từng khâu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu (KDXD).

- Để đánh giá thực tế tình hình thực hiện Thông tư 43/2015/TT-BCT, từ tháng 9 đến tháng 10 năm 2023, Bộ Công Thương đã tổ chức đoàn công tác với thành phần bao gồm: Vụ Pháp chế, Vụ Thị trường trong nước, Vụ Dầu khí và Than, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công (trước đây là Vụ Khoa học và Công nghệ) và một số chuyên gia trong lĩnh vực đo lường xăng dầu (sau đây gọi tắt là Đoàn công tác) tổ chức các buổi làm việc với các doanh nghiệp đầu mối KDXD ở cả 03 miền Bắc, Trung Nam, cụ thể như: Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex), Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP (PVOIL) tại khu kinh tế Nghi Sơn - Thanh Hóa (PVOIL Nghi Sơn), Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty xăng dầu quân đội, Công ty xăng dầu khu vực III - Công ty TNHH MTV (Petrolimex Hải Phòng), Công ty Xăng dầu Khu vực I (Kho xăng dầu Đức Giang - Petrolimex), Công ty Xăng dầu B12 (Quảng Ninh - Petrolimex), Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP tại Quảng Ngãi (PVOIL Quảng Ngãi), Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn, Công ty TNHH TM và DVTH Hòa Khánh, Công ty TNHH MTV Dầu khí thành phố Hồ Chí Minh (Saigon Petro), Công ty CP Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOIL Trans), Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn), Công ty CP Thương mại Dầu khí Nam Sông Hậu, Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp v.v...

Các nội dung chính Đoàn công tác tập trung tìm hiểu, đánh giá bao gồm: (i)- Công tác ban hành, áp dụng các văn bản quy định tỷ lệ hao hụt xăng dầu và hiện trạng áp dụng các định mức cụ thể theo từng công đoạn của các đơn vị KDXD; (ii)- Tỷ lệ hao hụt thực tế và các nội dung khác có liên quan; (iii)- Hiện trạng công nghệ, kỹ thuật áp dụng và định hướng công nghệ, kỹ thuật sẽ áp dụng trong thời gian tới nhằm làm giảm lượng hao hụt xăng dầu của đơn vị; (iv)- Những thuận lợi, khó khăn, tồn tại, vướng mắc khi triển khai thực hiện Thông tư số 43/2015/TT-BCT tại các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động KDXD; và (v)- Những kiến nghị, đề xuất, góp ý của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân KDXD.

- Qua đánh giá của Đoàn kiểm tra cho thấy, các doanh nghiệp hoạt động KDXD đã ban hành các quyết định, quy chế, quy định riêng phù hợp với từng loại hình hoạt động để quản lý các định mức hao hụt theo hướng quy định tỷ lệ hao hụt xăng dầu bằng hoặc thấp hơn so với quy định tại Thông tư số 43/2015/TT-BCT. Một số doanh nghiệp áp dụng ngay Thông tư số 43/2015/TT-BCT tại đơn vị.

- Các văn bản chỉ đạo, điều hành, quy định v.v... của các doanh nghiệp KDXD được nêu tại **Phụ lục 1** của Báo cáo này.

I.2. Sự tuân thủ quy định tại Thông tư 43/2015/TT-BCT:

- Các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan đến hoạt động KDXD tuân thủ nghiêm túc các nội dung của Thông tư 43/2015/TT-BCT.

- Các doanh nghiệp hoạt động KDXD đã nghiêm túc thực hiện đúng quy định về tỷ lệ hao hụt xăng dầu theo quy định của Thông tư 43/2015/TT-BCT. Theo đó, các doanh nghiệp KDXD đã ban hành các Quyết định, quy chế, quy định quản lý hao hụt xăng dầu của đơn vị mình theo hướng định mức các tỷ lệ hao hụt xăng dầu trong từng công đoạn của hoạt động KDXD của đơn vị bằng hoặc thấp hơn so với định mức quy định tại Thông tư số 43/2015/TT-BCT. Các đơn vị cấp dưới trực thuộc các doanh nghiệp lớn (Tập đoàn, Tổng Công ty) dựa trên cơ sở quy định tại Thông tư số 43/2015/TT-BCT và quy chế của Tập đoàn, Tổng công ty mẹ để xây dựng tỷ lệ hao hụt cho từng công đoạn trong hoạt động KDXD của đơn vị mình, phù hợp với đặc điểm, tình hình kinh doanh của mỗi đơn vị.

I.3. Tác động của Thông tư 43/2015/TT-BCT đến hoạt động kinh doanh xăng dầu:

- Nhằm quản lý chặt chẽ lượng xăng dầu hao hụt, các doanh nghiệp hoạt động KDXD đã từng bước đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, công nghệ, trang thiết bị và quy trình quản lý, cũng như thường xuyên tổ chức kiểm tra, rà soát quá trình hoạt động quản lý hao hụt xăng dầu v.v... để không ngừng giảm tỷ lệ hao hụt xăng dầu tại các khâu trong chuỗi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Cụ thể:

- Sử dụng hệ thống bể chứa mái phao đối với các sản phẩm xăng và Jet A-1 để giảm thiểu hao hụt bay hơi. Đối với các bể chứa dầu, do lượng bay hơi của nhiên liệu này thấp nên hầu hết các doanh nghiệp chưa trang bị mái phao;

- Trang bị và sử dụng hệ thống đồng hồ (được kiểm định theo chu kỳ hàng năm theo quy định hoặc khi có yêu cầu) để xác định khối lượng sản phẩm trong mua bán, thanh toán;

- Trang bị hệ thống TGS (Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Tổng kho Xăng dầu Đức Giang v.v...), ATG (PVOIL Quảng Ngãi, PVOIL Nghi Sơn, Kho Xăng dầu Đức Giang, Công ty Xăng dầu B12 - Petrolimex v.v...) để đo đạc tồn kho tự động các bể chứa xăng dầu nhằm kiểm soát hao hụt trong quá trình sản xuất và xuất bán, cũng như kiểm soát hàng tồn kho tại mọi thời điểm trong ngày vận hành;

- Trang bị, lắp đặt và vận hành hệ thống điều khiển, giám sát và thu thập dữ liệu tự động kho xăng dầu (SCADA) nhằm phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý và xuất nhập hàng hóa tại kho xăng dầu (PVOIL Nghi Sơn, Kho Xăng dầu Đức Giang - Petrolimex, Công ty xăng dầu khu vực III - Công ty TNHH MTV Petrolimex Hải Phòng v.v...);

- Đầu tư, trang bị hệ thống nhập kín giúp đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ và giảm hao hụt xăng dầu bay hơi trong quá trình nhập hàng (Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn, Tổng kho Xăng dầu Đức Giang v.v...)

- Các cơ quan quản lý các cấp cũng thường xuyên cập nhật tình hình thực tế về hoạt động kinh doanh xăng dầu của các đơn vị trong nước, tham khảo kinh nghiệm từ các nước có điều kiện kinh tế, xã hội, môi trường tương đồng để nâng cao năng lực quản lý, ban hành các chính sách, quy định phù hợp với thực tế hoạt động kinh doanh xăng dầu trong bối cảnh kinh tế, xã hội và trình độ phát triển của Việt Nam. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động KDXD để đảm bảo sự tuân thủ các quy định của Pháp luật nói chung và Thông tư số 43/2015/TT-BCT nói riêng.

I.4. Kết quả đạt được trong thực hiện Thông tư 43/2015/TT-BCT:

Quá trình khảo sát, đánh giá cho thấy, các doanh nghiệp hoạt động KDXD đã nghiêm túc tuân thủ quy định về tỷ lệ hao hụt xăng dầu tại Thông tư số 43/2015/TT-BCT. Hầu hết các doanh nghiệp, thương nhân KDXD đã lấy định mức hao hụt của các khâu nhập, xuất, tồn chứa, gia công pha chế; súc rửa, vận chuyển, phân phối xăng dầu tại thị trường trong nước quy định tại Thông tư 43/2015/TT-BCT làm cơ sở, từ đó, xây dựng định mức hao hụt tại từng công đoạn trong chuỗi kinh doanh cho riêng đơn vị mình, đảm bảo định mức hao hụt tương đương hoặc thấp hơn định mức hao hụt tại Thông tư số 43/2015/TT-BCT.

1. Đối với công đoạn nhập xăng dầu:

(i). Quy định quản lý về định mức hao hụt xăng dầu trong công đoạn nhập của các doanh nghiệp khối nhà nước thường cao hơn khá nhiều so với khối doanh nghiệp tư nhân. Điều này có thể là vì hai nguyên nhân chính sau: i). Các doanh nghiệp mẹ có vốn Nhà nước đặt ra tỷ lệ hao hụt cao hơn để các đơn vị thành viên căn cứ đặc điểm, điều kiện của mỗi đơn vị sẽ có tỷ lệ hao hụt hoạt động phù hợp với đơn vị mình ở mức thấp hơn quy định của Công ty mẹ; ii). Các doanh nghiệp tư nhân thường được thành lập về sau, bởi vậy, đầu tư về trang thiết bị, công nghệ, bồn bể v.v... mới và hiện đại hơn, do đó, có tỷ lệ hao hụt thấp hơn.

(ii). Về cơ bản, lượng xăng dầu hao hụt thực tế trong công đoạn nhập thấp hơn so với định mức hao hụt nhập quy định tại Thông tư số 43/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương. Mức độ hao hụt thấp hơn tùy thuộc vào từng loại sản phẩm xăng dầu và phương tiện nhập.

2. Đối với công đoạn xuất xăng dầu:

(i). Quy định quản lý về định mức hao hụt xăng dầu trong công đoạn xuất của các doanh nghiệp bằng hoặc thấp hơn so với quy định tại Thông tư số 43/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương. Quy định quản lý về định mức hao hụt xăng dầu trong công đoạn xuất của các doanh nghiệp khối nhà nước thường cao hơn so với khối doanh nghiệp tư nhân.

(ii). Theo đặc thù kinh doanh của doanh nghiệp, một số doanh nghiệp đầu mỗi kinh doanh xăng dầu quy định gộp cả hai Công đoạn Bể - Đồng hồ và Đồng hồ - Phương tiện với định mức thấp hơn tổng 02 Công đoạn này quy định tại Thông tư số 43/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương.

(iii). Về cơ bản, lượng xăng dầu hao hụt thực tế trong công đoạn xuất thấp hơn so với định mức hao hụt quy định tại Thông tư số 43/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương. Mức độ thấp hơn tùy thuộc vào từng loại sản phẩm xăng dầu và phương tiện xuất.

3. Đối với công đoạn tồn chứa xăng dầu:

(i). Quy định quản lý về định mức hao hụt xăng dầu trong công đoạn tồn chứa ngăn ngày của các doanh nghiệp bằng hoặc thấp hơn so với quy định tại Thông tư số 43/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương.

(ii). Hao hụt xăng dầu thực tế trong công đoạn tồn chứa ngăn ngày của các doanh nghiệp bằng hoặc thấp hơn so với quy định tại Thông tư số 43/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương. Mức độ khác nhau về hao hụt thực tế trong công đoạn tồn chứa của các doanh nghiệp so với Thông tư số 43/2015/TT-BCT tùy thuộc vào từng chủng loại sản phẩm tồn chứa. Theo đó, khoảng cách khác nhau này theo thứ tự giảm dần lần lượt là nhiên liệu E100, xăng sinh học (E5, E10), xăng khoáng các loại và dầu diesel các loại.

(iii). Mức độ khác nhau về hao hụt trong thực tế công đoạn tồn chứa giữa các loại sản phẩm của các doanh nghiệp so với Thông tư số 43/2015/TT-BCT là khác nhau giữa các doanh nghiệp, đặc biệt, các doanh nghiệp trong cùng một hệ thống của một công ty cũng có sự khác nhau đáng kể, điều này tùy thuộc vào phương thức quản lý kinh doanh, cơ sở hạ tầng vật chất kỹ thuật v.v...

4. Đối với công đoạn xúc rửa xăng dầu:

Chu kỳ xúc rửa bể khá lâu, thông thường 02, 03 năm, 05 năm hoặc lâu hơn và không đồng nhất. Do vậy, gần như tất cả các doanh nghiệp được khảo sát đều không cung cấp được số liệu thực tế hao hụt xăng dầu trong công đoạn xúc rửa xăng dầu. Tuy nhiên, quy định về quản lý định mức hao hụt xăng dầu trong công đoạn xúc rửa xăng dầu có sự đồng thuận cao của tất cả các doanh nghiệp đầu mối KDXD.

5. Đối với công đoạn pha chế xăng dầu:

Về cơ bản, quy định về hao hụt trong công đoạn pha chế và lượng xăng dầu hao hụt thực tế trong công đoạn pha chế thấp hơn so với định mức hao hụt của công đoạn pha chế quy định tại Thông tư số 43/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương. Mức độ thấp hơn tùy thuộc vào từng loại sản phẩm xăng dầu và phương pháp pha chế của mỗi doanh nghiệp.

6. Đối với công đoạn chuyển tải xăng dầu:

Do tính chất đặc thù của công đoạn này, việc khảo sát, thu thập số liệu hao hụt thực tế khâu vận chuyển trong hoạt động kinh doanh xăng dầu khó thực hiện. Gần như tất cả các doanh nghiệp được khảo sát sử dụng số liệu thực tế hao hụt xăng dầu trong công đoạn vận chuyển tương tự Thông tư 43/2015/TT-BCT.

7. Đối với công đoạn xuất xăng dầu tại cửa hàng bán lẻ:

Hầu hết các cửa hàng đều áp dụng đúng định mức hao hụt của đơn vị đầu mối kinh doanh xăng dầu ban hành.

Nguồn tài liệu liệt kê tại **Phụ lục 2** đã cung cấp số liệu về định mức/thực tế tỷ lệ hao hụt ở các công đoạn trong hoạt động KDXD của một số doanh nghiệp lớn được nêu trong **Phụ lục 3** của Báo cáo.

II. Những tồn tại, hạn chế

Về cơ bản, không có khó khăn, vướng mắc lớn khi triển khai thực hiện các nội dung quy định của Thông tư số 43/2015/TT-BCT. Tuy nhiên, còn một số tồn tại sau đây:

- Về quy định tồn chứa ngắn ngày: Điểm a khoản 1 Điều 7 Thông tư số 43/2015/TT-BCT quy định: “... *xác định tỷ lệ hao hụt xăng dầu bằng trung bình cộng của lượng xăng dầu tồn chứa được xác định ít nhất trong bốn ngày của tháng là ngày thứ 01, ngày thứ 10, ngày thứ 20 và ngày cuối tháng*” cần có nghiên cứu đánh giá cụ thể cho phù hợp với tình hình thực tế KDXD hiện nay. Cụ thể: Trong thực tế, có những bể chứa tần suất luân chuyển xăng dầu (xuất, nhập) diễn ra liên tục, như vậy, thời điểm xác định tỷ lệ hao hụt (*ngày thứ 01, ngày thứ 10, ngày thứ 20 và ngày cuối tháng*) trùng với ngày xuất hoặc nhập hàng sẽ dẫn đến những sai số lớn về phương pháp tính toán xác định lượng xăng dầu hao hụt. Thêm vào đó, một số doanh nghiệp có bể chứa lớn nhưng lượng xăng dầu tồn chứa thấp so với thể tích bể dẫn đến lượng hao hụt xăng dầu lớn hơn so với quy định trong Thông tư số 43/2015/TT-BCT.

- Về quy định tỷ lệ hao hụt theo từng công đoạn: Thông tư số 43/2015/TT-BCT quy định chi tiết tỷ lệ hao hụt từng công đoạn như: bể-đồng hồ; đồng hồ - phương tiện. Tuy nhiên, trong thực tế, tùy theo phương thức quản lý của doanh nghiệp cũng như thỏa thuận giữa các doanh nghiệp, việc xác định lượng xăng dầu hao hụt trong các công đoạn được ghép lại nhằm quy định quản lý theo hướng giảm sự hao hụt xăng dầu.

- Về trang thiết bị, bể chứa: Một số doanh nghiệp KDXD vẫn còn sử dụng một số bể chứa được xây dựng từ thập niên 60 -70 của thế kỷ trước. Do đó, việc xây dựng và lắp đặt trang bị hệ thống đo đạc tồn kho tự động các bể chứa xăng dầu nhằm kiểm soát hao hụt gặp nhiều khó khăn do phải đầu tư cải tạo bồn bể, lắp đặt các trang thiết bị và ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị.

- Về sản phẩm: Qua rà soát, sản phẩm Dầu FO sử dụng cho phương tiện đường thủy hiện chưa được quy định về định mức hao hụt tại Thông tư số 43/2015/TT-BCT (Thông tư này quy định định mức hao hụt cho sản phẩm Dầu FO sử dụng làm nhiên liệu đốt lò).

III. Kết luận

- Thực hiện nội dung Thông tư số 43/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương, các cơ quan quản lý các cấp cùng cộng đồng doanh nghiệp hoạt động KDXD đã nghiêm túc tuân thủ quy định về tỷ lệ hao hụt xăng dầu trong hoạt động KDXD. Các văn bản chỉ đạo của các cấp quản lý và các định mức quy định của mỗi doanh nghiệp không chỉ là sự tuân thủ quy định của Thông tư 43/2015/TT-BCT mà còn là một trong các yếu tố giúp thị trường xăng dầu hoạt động ổn định, minh bạch,

là công cụ để đánh giá hiệu quả hoạt động của mỗi doanh nghiệp hoạt động KDXD và cơ sở để cơ quan quản lý tính toán nguồn thu ngân sách từ hoạt động KDXD.

- Sau gần 10 năm thực hiện Thông tư số 43/2015/TT-BCT, với các định mức hao thụ quy định trong bối cảnh kinh tế, xã hội và điều kiện khoa học công nghệ, kỹ thuật, trang thiết bị khi ban hành, Thông tư 43/2015/TT-BCT cũng đã bộc lộ một số bất cập trong hiện tại. Do đó, việc rà soát, đánh giá kết quả thực hiện, phân tích những mặt tích cực cũng như các tồn tại, hạn chế để đề xuất ban hành bộ định mức hao hụt xăng dầu phù hợp với tình hình hiện nay, đáp ứng yêu cầu của hoạt động quản lý và KDXD là cần thiết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, CCĐ, Dongdx.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

**Đào Duy Anh
TỔ PHÓ THƯỜNG TRỰC
TỔ SOẠN THẢO THÔNG TƯ**

Phụ lục 1

(Đính kèm báo cáo số /BC-ĐCK-CCĐ ngày tháng năm 2025 của
Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công)

Danh mục văn bản phục vụ quản lý, điều hành về hao hụt xăng dầu trong kinh doanh xăng dầu của các doanh nghiệp

STT	Tên đơn vị	Quy định của đơn vị
1	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex)	Quy chế Quản lý hao hụt xăng dầu của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam QĐ số 183/PLX-QĐ-HĐQT ngày 14/04/2021 và Hệ thống định mức hao hụt xăng dầu QĐ số 184/PLX-Q Đ-HĐQT ngày 14/04/2021
2	PVOIL Nghi Sơn	Quyết định số 729/QĐ-DVN ngày 27/09/2022 ban hành Quy định quản lý hao hụt hàng hóa nhiên liệu lỏng của Tổng công ty Dầu Việt Nam
3	Công ty TNHH MTV – Tổng Công ty xăng dầu quân đội	Quyết định số 572/QĐ-CT ngày 12/07/2016 về việc ban hành Định mức hao hụt xăng dầu các khâu công tác phục vụ kinh tế tại Tổng công ty
4	Công ty xăng dầu khu vực I	Quy chế Quản lý hao hụt xăng dầu của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam QĐ số 183/PLX-QĐ-HĐQT ngày 14/04/2021 và Hệ thống định mức hao hụt xăng dầu QĐ số 184/PLX-Q Đ-HĐQT ngày 14/04/2021
5	Công ty xăng dầu khu vực III	Quy chế Quản lý hao hụt xăng dầu của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam QĐ số 183/PLX-QĐ-HĐQT ngày 14/04/2021 và Hệ thống định mức hao hụt xăng dầu QĐ số 184/PLX-Q Đ-HĐQT ngày 14/04/2021
6	Công ty Xăng dầu B12	Quy chế Quản lý hao hụt xăng dầu của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam QĐ số 183/PLX-QĐ-HĐQT ngày 14/04/2021 và Hệ thống định mức hao hụt xăng dầu QĐ số 184/PLX-Q Đ-HĐQT ngày 14/04/2021
7	Công ty Xăng dầu Phú Thọ	Quy chế Quản lý hao hụt xăng dầu của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam QĐ số 183/PLX-QĐ-HĐQT ngày 14/04/2021 và Hệ thống định mức hao hụt xăng dầu QĐ số 184/PLX-Q Đ-HĐQT ngày 14/04/2021
8	Công ty TNHH Hải Linh	Quyết định số 12/2016/HL-QĐ ngày 01/05/2016 về Quy định định mức hao hụt xăng dầu
	PVOIL Quảng Ngãi	Quyết định số 492/QĐ-DVN ngày 01/7/2016 về việc ban hành Quy định quản lý hao hụt hàng hóa nhiên liệu lỏng của Tổng công ty Dầu Việt Nam

STT	Tên đơn vị	Quy định của đơn vị
	Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn	Quyết định số 4734/QĐ-BSR ngày 09/12/2020 về việc điều chỉnh Định mức hao hụt dầu mỏ trong toàn bộ quá trình sản xuất của Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn
	Công ty TNHH TM và DVTH Hòa Khánh	Quyết định số 26/2016/Q Đ-TC.Cy ngày 29/04/2016 về định mức hao hụt
	Saigon Petro Co.,Ltd	Quyết định số 323/QĐ-DK-HCTC ngày 29/04/2016 ban hành Quy định về định mức hao hụt xăng dầu trong các khâu nhập, xuất và tồn chứa tại các kho của Công ty TNHH MTV Dầu khí thành phố Hồ Chí Minh
	PVOIL Trans	Quyết định số 178/QĐ-PVOILTRANS ngày 28/04/2023 về việc ban hành Quy định quản lý hao hụt hàng hóa nhiên liệu lỏng của Công ty CP Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOIL Trans)
	PVOIL Sài Gòn	Quyết định số 729/QĐ-DVN ngày 27/09/2022 ban hành Quy định quản lý hao hụt hàng hóa nhiên liệu lỏng của Tổng công ty Dầu Việt Nam
	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Quyết định số 1194/QĐ-DKVN ngày 13/03/2020 ban hành Quy chế quản lý hao hụt hàng hóa nhiên liệu lỏng của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
	Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	Thông tư số 43/2015/TT-BCT
	Công ty CP Hóa dầu Quân đội	Quyết định số 99a/QĐ-MIPEC ngày 01/04/2019 ban hành Quy chế quản lý hao hụt hàng hóa nhiên liệu lỏng của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
	Công ty TNHH Xăng dầu Vĩnh Long Petro	Thông tư số 43/2015/TT-BCT
9	Công ty CP Thương mại Dầu khí Đồng Tháp	Quyết định số 069/QĐ-DK-TMDK ngày 31/12/2019 ban hành Quy định về tỷ lệ hao hụt xăng dầu trong các công đoạn quản lý tại các kho và cửa hàng bán lẻ trực thuộc Công ty
10	Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP Thalexim	Quyết định số 01/2018/QĐ-HHXD ngày 10/01/2018 Quy định Định mức hao hụt xăng dầu trong các khâu nhập, xuất và tồn chứa tại các kho của Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP Thalexim
11	Cty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không VN (SKYPEC)	Quyết định số 482/QĐ-XDHK ngày 09/03/2015 Ban hành hệ thống định mức hao hụt nhiên liệu Jet A-1 nội bộ công ty Quyết định số 401/QĐ-NLHK ngày 29/02/2016 Điều chỉnh hệ thống định mức hao hụt nhiên liệu Jet A-1 nội bộ công ty

STT	Tên đơn vị	Quy định của đơn vị
12	Công ty Cổ phần Tập đoàn Pelio	Quyết định số 198/2019/QĐ-CT ngày 22/05/2019 Định mức hao hụt trong kinh doanh xăng dầu
13	Công ty CP Anh Phát Petro	Quyết định số 198/2019/ PLXĐT-QĐ ngày 11/11/2021 ban hành tạm thời hệ thống định mức hao hụt từng công đoạn tại các CHXD trực thuộc
14	Công ty Xăng dầu Đồng Tháp	Quyết định số 069/QĐ-HĐQT-TMDK ngày 31/12/2019 về việc ban hành Quy định tỷ lệ hao hụt xăng dầu trong các công đoạn quản lý tại các kho và cửa hàng bán lẻ của Công ty CP Thương mại Dầu khí Đồng Tháp

Phụ lục 2

(Đính kèm Báo cáo số /BC-ĐCK-CCĐ ngày tháng năm 2025 của Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công)

Nguồn tài liệu trích dẫn, tham khảo

[1] Nghị định số 80/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

[2] Báo cáo điều tra khảo sát hạ tầng xăng dầu của PEC

[3] Dự trữ xăng dầu đảm bảo tối thiểu nhu cầu sử dụng 30 ngày :: Thông tin hoạt động SXKD :: Petrolimex (PLX) - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

[4] Quyết định số 199/PLX-QĐ-HĐQT ngày 01/6/2016 về việc phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý hao hụt xăng dầu và Quy chế sửa đổi 018/ PLX-QĐ-HĐQT ngày 16/01/2020 của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam

[5] Quyết định số 1194/QĐ-DKVN ngày 13/3/2020 về việc phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý hao hụt sản phẩm lỏng của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

[6] Quyết định số 572/QĐ-CT ngày 12/7/2016 về việc ban hành Định mức hao hụt xăng dầu các khâu công tác phục vụ kinh tế của Tổng công ty Xăng dầu quân đội

[7] Quyết định số 323/QĐ-DK-HCTC ngày 29/04/2016 ban hành Quy định về định mức hao hụt xăng dầu trong các khâu nhập, xuất và tồn chứa tại các kho của Công ty TNHH MTV Dầu khí thành phố Hồ Chí Minh

[8] Quyết định số 492/QĐ-DVN ngày 01/7/2016 về việc ban hành Quy định quản lý hao hụt hàng hóa nhiên liệu lỏng của Tổng công ty Dầu Việt Nam

[9] Quyết định số 178/QĐ-PVOILTRANS ngày 28/04/2023 về việc ban hành Quy định quản lý hao hụt hàng hóa nhiên liệu lỏng của Công ty CP Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOIL Trans)

[10] Quyết định số 655/QĐ-NSH-2020 ngày 16/04/2020 về việc ban hành Quy định tỷ lệ hao hụt xăng dầu trong các công đoạn quản lý tại các kho và cửa hàng bán lẻ của Công ty CP Thương mại Dầu khí Nam Sông Hậu

[11] Quyết định số 069/QĐ-HĐQT-TMDK ngày 31/12/2019 về việc ban hành Quy định tỷ lệ hao hụt xăng dầu trong các công đoạn quản lý tại các kho và cửa hàng bán lẻ của Công ty CP Thương mại Dầu khí Đồng Tháp

[12] Công văn số 144/VTĐK-KD ngày 28/02/2023 báo cáo tình hình thực hiện Thông tư 43/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định tỷ lệ hao hụt xăng dầu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu giai đoạn 2018-2022 của Công ty CP Vận tải Dầu khí

[13] Công văn số 10.1403/2023/CV-NSH ngày 14/3/2023 báo cáo tình hình thực hiện Thông tư 43/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định tỷ lệ hao hụt xăng dầu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu giai đoạn 2018-2022 của Công ty CP Thương mại Dầu khí Nam Sông Hậu

[14] Công văn số 260/BC-CT ngày 14/3/2023 báo cáo tình hình thực hiện Thông tư 43/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định tỷ lệ hao hụt xăng dầu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu giai đoạn 2018-2022 của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Xăng dầu quân đội

[15] Công văn số 1406/BC-DK-KD ngày 25/10/2023 báo cáo tình hình thực hiện Thông tư 43/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định tỷ lệ hao hụt xăng dầu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu giai đoạn 2018-2022 của Công ty TNHH MTV Dầu khí thành phố Hồ Chí Minh

[16] Công văn số 55/DVN-KTAT ngày 28/02/2023 báo cáo tình hình thực hiện Thông tư 43/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định tỷ lệ hao hụt xăng dầu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu giai đoạn 2018-2022 của Tổng công ty Dầu Việt Nam-CTCP

[17] Công văn số 621/HK-CV ngày 02/11/2023 báo cáo tình hình thực hiện Thông tư 43/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định tỷ lệ hao hụt xăng dầu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu giai đoạn 2018-2022 của Công ty TNHH TM và DVTH Hòa Khánh

[18] Quyết định số 12/2016/HL-QĐ ngày 01/05/2016 về việc quy định định mức hao hụt xăng dầu của Công ty TNHH Hải Linh

[19] Quyết định số 4734/QĐ-BSR ngày 09/12/2020 về việc điều chỉnh Định mức hao hụt dầu mỏ trong toàn bộ quá trình sản xuất của Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn

[20] Công văn báo cáo tình hình thực hiện Thông tư 43/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định tỷ lệ hao hụt xăng dầu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu giai đoạn 2018-2022 của Công ty TNHH Hải Linh

[21] Công văn số 425/BC-CNQN ngày 26/9/2023 báo cáo tình hình thực hiện Thông tư 43/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định tỷ lệ hao hụt xăng dầu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu giai đoạn 2018-2022 của Công ty PVOIL Quảng Ngãi

[22] Quyết định số 688/QĐ-DKMK ngày 27/10/2022 về việc ban hành Quy định quản lý hao hụt hàng hóa nhiên liệu lỏng của Công ty CP Dầu khí Mê Kông

[23] Địa lý, <https://chinhphu.vn/dia-ly-68387>

[24] Diện tích lãnh thổ Việt Nam, <https://thuvienphapluat.vn/chinh-sach-phap-luat-moi/vn/ho-tro-phap-luat/tu-van-phap-luat/56797/dien-tich-lanh-tho-viet-nam-hien-nay-la-bao-nhieu>

[25] Công văn số 152/2023/STS-CV ngày 10/03/2023 báo cáo tình hình thực hiện Thông tư 43/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định tỷ lệ hao hụt xăng dầu

trong hoạt động kinh doanh xăng dầu giai đoạn 2018-2022 của Công ty CP Xăng dầu và dịch vụ hàng hải S.T.S.

Phụ lục 3

(Đính kèm Báo cáo số /BC-ĐCK-CCĐ ngày tháng năm 2025 của Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công)

Số liệu lượng hao hụt xăng dầu của một số doanh nghiệp giai đoạn 2022 - 2024

Công ty TNHH MTV Vận tải xăng dầu Dầu khí Việt Nam (DKVN); Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN); Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP (PVOIL); Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp (DKĐT); Công ty cổ phần Thương mại -Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu (kho Trà Nóc) (DKNSH); Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp HCM (SGPetro); Cty TNHH MTV Tổng CT xăng dầu Quân đội (XDQĐ); Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (XDVN); Công ty TNHH Hải Linh (HL); Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR); Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không (NLHK)

Loại nhiên liệu	Phương tiện/loại hình/công đoạn	Theo TT43	Tỷ lệ hao hụt xăng dầu định mức/thực tế của các đơn vị (đơn vị tính: %)										
			DKVN	PVN	PVOIL	DKĐT	DKNSH	DKSG	XDQĐ	XDVN	HL	BSR	NLHK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I. Công Đoạn Nhập													
	Tàu dầu	0.52	0.35	0.35	0.35	0.316	0.335	0.38	0.52	0.48	/0.457	-	-
Xăng sinh học E5, E10	Xà lan	0.40	0.30	0.30	0.30	0.268/0.309	0.287/0.046	0.32	0.40	0.40	-	-	-
	Xitec đường sắt, xitec ô tô	0.29	0.28	0.28	0.28	0.22	0.25	0.22	0.29	0.29	-	-	-
	Bể (chuyển bể)	0.14	-	0.14	0.14	0.089	0.12	0.12	0.14	0.14	-	-	-
Etanol nhiên liệu E100	Tàu dầu	0.52	0.35/0.28	-	0.35/0.28	0.316	0.335/0.26	0.38	0.52	0.48	-	-	-
	Xà lan	0.40	0.30	-	0.30	0.268/0.309	0.287/0.37	0.32	0.40	0.40	-	-	-
	Xitec đường sắt, xitec ô tô	0.29	0.28	-	0.28	0.22	0.25	0.22	0.29	0.29	-	-	-

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	<i>Bể (chuyển bể)</i>	0.14	-	-	0.14	0.089	0.12	0.12	0.14	0.14	-	-	-
Xăng khoáng các loại	<i>Tàu dầu</i>	0.48	0.32/0.28	0.32	0.32/0.28	0.293	0.335	0.38	0.48	0.42	0.48/0.4	-	-
	<i>Xà lan</i>	0.36	0.28	0.28	0.28	0.255/0.305	0.287	0.32	0.36	0.36	0.36	-	-
	<i>Xitec đường sắt, xitec ô tô</i>	0.25	0.24	0.24	0.24	0.195	0.25	0.22	0.25	0.25	0.25	-	-
	<i>Bể (chuyển bể)</i>	0.12	-	0.12	0.12/0.09	0.078	0.12	0.12	0.10	0.12	0.12	-	-
Dầu hoả (KO), nhiên liệu bay JET A-1	<i>Tàu dầu</i>	0.38	0.297	0.30	0.297	0.26	0.297	0.34	0.38	0.38	-	-	0.383
	<i>Xà lan</i>	0.32	0.25	0.25	0.25	0.11	0.25	0.30	0.32	0.32	-	-	-
	<i>Xitec đường sắt, xitec ô tô</i>	0.15	0.14	0.14	0.14	0.09	0.14	0.15	0.15	0.15	-	-	/0.13
	<i>Bể (chuyển bể)</i>	0.10	-	0.10	0.093	0.014	0.09	0.10	0.10	0.10	-	-	-
Dầu điêzen (DO) các loại	<i>Tàu dầu</i>	0.38	0.269	0.27	0.269/0.24	0.241	0.269	0.30	0.38	0.36	0.38/0.29	-	-
	<i>Xà lan</i>	0.28	0.214	0.22	0.214	0.102	0.214	0.28	0.28	0.28	0.28	-	-
	<i>Xitec đường sắt, xitec ô tô</i>	0.12	0.111	0.12	0.111	0.083	0.111	0.12	0.10	0.12	0.12	-	-
	<i>Bể (chuyển bể)</i>	0.08	-	0.08	0.046	0.013	0.074	0.08	0.06	0.08	0.08	-	-
Nhiên liệu đốt (FO) các loại	<i>Tàu dầu</i>	0.38	0.269	0.28	0.269	0.25	0.269	0.30	0.38	0.36	-	-	-
	<i>Xà lan</i>	0.28	0.213	0.22	0.213	0.11	0.213	0.28	0.28	0.28	-	-	-
	<i>Xitec đường sắt, xitec ô tô</i>	0.12	0.111	0.12	0.111	0.06	0.111	0.12	0.12	0.12	-	-	-
	<i>Bể (chuyển bể)</i>	0.05	-	0.05	0.046	0.015	0.046	0.05	0.05	0.05	-	-	-

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
II. Công Đoạn Xuất													
II.1. Xuất cho phương tiện đường thủy													
Xăng sinh học E5, E10	<i>Bể-đồng hồ</i>	0.17	-	0.16	0.16	0,225 (TC1) 0,225 (TC2)	0.15	0,17	0.17	0.15	/0.13	-	-
	<i>Đồng hồ-phương tiện</i>	0.11	0.10	0.10	0.10				0.11	0.11	-	-	-
Etanol nhiên liệu E100	<i>Bể-đồng hồ</i>	0.15	-	0.15	0.15.0.11	0,198 (TC1) 0,198 (TC2)	0.15	0,15/0.36	0.15	0.13	-	-	-
	<i>Đồng hồ-phương tiện</i>	0.10	0.10	0.10	0.10				0.10	0.10	-	-	-
Xăng khoáng các loại	<i>Bể-đồng hồ</i>	0.14	-	0.14	0.14	0,175 (TC1) 0,175 (TC2)	0.15	0,14/0.118	0.14	0.10	0.14/0.09	0.09(R95) 0.06(R92)	-
	<i>Đồng hồ-phương tiện</i>	0.09	0.08	0.08	0.08				0.09	0.09	0.09	0.08(R95) 0.08(R92)	-
Dầu hỏa (KO), nhiên liệu bay JET A-1	<i>Bể-đồng hồ</i>	0.12	-	0.12	0.12	0,074 (TC1) 0,093 (TC2)	0.12	0,12	0.12	0.08	-	0.06	0.08
	<i>Đồng hồ-phương tiện</i>	0.08	0.06	0.06	0.06				0.08	0.08	-	0.06	
Dầu điêzen (DO) các loại	<i>Bể-đồng hồ</i>	0.10	-	0.10	0.10/0.08	0,068 (TC1) 0,086 (TC2)	0.10	0,10	0.10	0.06	0.10/0.06	0.05	-
	<i>Đồng hồ-phương tiện</i>	0.07	0.05	0.05	0.05				0.07	0.07	0.07	0.05	-
Nhiên liệu đốt (FO) các loại	<i>Bể-đồng hồ</i>	0.08	-	0.08	0.074	0,05 (TC1) 0,07 (TC2)	0.074	0,08	0.08	0.05	-	0.05	-
	<i>Đồng hồ-phương tiện</i>	0.06	0.04	0.04	0.04				0.06	0.06	-	0.04	-

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
II.2. Xuất cho phương tiện đường bộ và đường sắt													
Xăng sinh học E5, E10	Bể-đồng hồ	0.17	-	0.16	0.16	0,225 (TC1) 0,225 (TC2)	0.15	0,17	0.17	0.15	-	-	-
	Đồng hồ-phương tiện	0.06	0.06	0.06	0.06				0.06	0.06	-	-	-
Etanol nhiên liệu E100	Bể-đồng hồ	0.15	-	0.15	0.15/0.11	0,198 (TC1) 0,198 (TC2)	0.15	0,15	0.15	0.13	-	-	-
	Đồng hồ-phương tiện	0.05	0.05	0.05	0.05				0.05	0.05	-	-	-
Xăng khoáng các loại	Bể-đồng hồ	0.14	-	0.14	0.14	0,175 (TC1) 0,175 (TC2)	0.15	0,14	0.14	0.10	0.14	-	-
	Đồng hồ-phương tiện	0.04	0.04	0.04	0.04				0.04	0.04	0.04	-	-
Dầu hỏa (KO), nhiên liệu bay JET A-1	Bể-đồng hồ	0.12	-	0.12	0.12	0,074 (TC1) 0,093 (TC2)	0.12	0,12	0.12	0.08	-	-	0.066
	Đồng hồ-phương tiện	0.04	0.04	0.04	0.04				0.04	0.04	-	-	
Dầu điêzen (DO) các loại	Bể-đồng hồ	0.10	-	0.10	0.1/0.08	0,068 (TC1) 0,086 (TC2)	0.10	0,10	0.10	0.06	0.10	-	-
	Đồng hồ-phương tiện	0.03	0.03	0.03	0.03				0.03	0.03	0.03	-	-
Nhiên liệu đốt (FO) các loại	Bể-đồng hồ	0.08	-	0.08	0.074	0,05 (TC1) 0,07 (TC2)	0.074	0,08	0.08	0.05	-	-	-
	Đồng hồ-phương tiện	0.03	0.03	0.03	0.03				0.03	0.03	-	-	-

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
III. Công Đoạn bảo quản													
III.1. Đối với tồn chứa ngắn ngày													
<i>(A- Bể ngầm, bể trong hang, kho nổi/tàu dầu, xà lan; B- Bể ngoài trời trụ đứng; C- Bể ngoài trời trụ nằm; B(mp)- Bể mái phao; B(kmp)- Bể không mái phao)</i>													
Xăng sinh học E5, E10: - B(mp) - B(kmp)	A	- 0.11	0.20	- 0.10	- 0.10	0.098	0.093	0.10	- 0.11	- 0.11	-	-	-
	B	0.13 0.17	-	0.13 0.15	0.13 0.15	0.107 0.120	0.12 0.14	0.12	0.13 0.17	0.12 0.15	-	-	-
	C	- 0.22	-	- 0.20	- 0.20	- 0.20	0.186	-	- 0.22	- 0.22	-	-	-
Etanol nhiên liệu E100	A	0.11	0.2/0.15	0.10	0.10	0.098	0.093	0.11	0.11	- 0.11	-	-	-
	B	0.17	-	0.17	0.17/0.15	0.12 0.12	0.12 0.14	0.17	0.17	0.12 0.15	-	-	-
	C	0.22	-	0.20	0.2/0.15	0.20 0.20	0.186	-	0.22	- 0.22	-	-	-
Xăng khoáng các loại: - B(mp) - B(kmp)	A	- 0.10	0.186	- 0.10	- 0.10	0.09	0.093	0.10	0.075 0.10	- 0.10	-	-	-
	B	0.12 0.15	-	0.12 0.14	0.12 0.14	0.10 0.12	0.12 0.14	0.12	0.12 0.15	0.10 0.12	0.12	-	-
	C	- 0.2	-	- 0.19	- 0.186	- 0.20	0.186	-	- 0.20	- 0.20	-	-	-

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Dầu hỏa (KO), nhiên liệu bay JET A-1	A	0.012	0.023	0.011	0.011	0.007	0.011	0.012	0.012	0.012	-	-	-
	B	0.02	-	0.02	0.018	0.008 0.010	0.0066 0.018	0.02	0.02	0.020	-	-	0.018
	C	0.025	-	0.025	0.023	0.020 0.025	0.233	-	0.025	0.025	-	-	-
Dầu diezen (DO) các loại - B(mp) - B(kmp)	A	- 0.01	0.018	- 0.01	- 0.010	0.007	0.011	0.01	0.008 0.01	0.01	-	-	-
	B	0.008 0.015	-	0.008 0.015	0.0066 0.014	0.008 0.010	0.0066 0.018	0.015	0.008 0.015	0.015	0.015	-	-
	C	- 0.02	-	- 0.02	- 0.018	- 0.02	0.233	-	- 0.015	0.02	-	-	-
Nhiên liệu đốt (FO) các loại	A	0.003	0.0027	0.003	0.0027	0.003	0.0027	0.003	0.003	0.03	-	-	-
	B	0.003	-	0.003	0.0027	0.003 0.003	0.0027	0.003	0.003	0.03	-	-	-
	C	0.003	-	0.003	0.0027	0.003 0.003	0.0027	-	0.003	0.03	-	-	-
III.2. Đối với tồn chứa dài ngày (A- Bể ngầm, bể trong hang; B- Kho nổi/tàu dầu, xà lan; C- Bể ngoài trời trụ đứng; D- Bể ngoài trời trụ nằm; B(mp)- Bể mái phao; B(kmp)- Bể không mái phao)													
Etanol nhiên liệu E100	A	-		-	-	-	0,0466	-	-	-	-	-	-
	B	-	0,15	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	C	0.12		0.120	0,120	0,085 0,085	0,0931 0,1111	-	0,120	0,110 0,140	-	-	-

	D	0.15		0.150	0,150	0,136 0,136	0,14	-	0,150	- 0,150	-	-	-
--	---	------	--	-------	-------	----------------	------	---	-------	------------	---	---	---

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Xăng khoáng các loại: - B(mp) - B(kmp)	A	- 0,050		- 0,050	- 0,0466	0,050	0,0466	-	- 0,038	- 0,050	-	-	-
	B	- 0,07	0,14	- 0,065	- 0,0646	-	-	-	- 0,07	- 0,07	-	-	-
	C	0,100 0,120		0,100 0,120	0,0931 0,1111	0,100 0,120	0,0931 0,1111	-	0,100 0,120	0,090 0,110	-	-	-
	D	- 0,150		- 0,140	- 0,140	- 0,150	0,14	-	- 0,150	- 0,150	-	-	-
Dầu hỏa (KO), nhiên liệu bay JET A-1	A	0,006		0,006	0,0055	0,006	0,0055	-	0,006	0,006	-	-	-
	B	0,010	0,016	0,010	0,0093	-	-	-	0,010	0,010	-	-	-
	C	0,014		0,014	0,0130	0,010 0,014	0,006 0,013	-	0,014	0,014	-	-	-
	D	0,017		0,016	0,0160	0,015 0,017	0,016	-	0,017	0,017	-	-	-
Dầu diezen (DO) các loại - B(mp) - B(kmp)	A	0,005		- 0,005	- 0,0046	0,005	0,0046	-	0,004	0,005	-	-	-
	B	0,008	0,014	- 0,008	- 0,0074	-	-	-	0,008	0,008	-	-	-
	C	0,012		0,008 0,012	0,005 0,0111	0,010 0,012	0,006 0,0111	-	0,009	0,012	-	-	-
	D	0,015		- 0,014	- 0,0140	0,013 0,015	0,014	-	0,011	0,015	-	-	-
Nhiên liệu đốt (FO) các loại	A	0,003		0,003	0,0027	0,003	0,0027	-	0,003	0,003	-	-	-
	B	0,003	0,0027	0,003	0,0027	-	-	-	0,003	0,003	-	-	-
	C	0,003		0,003	0,0027	0,003 0,003	0,0027	-	0,003	0,003	-	-	-

	D	0,003		0.003	0.0027	0,003 0,003	0,0027	-	0,003	0,003	-	-	-
--	---	-------	--	-------	--------	----------------	--------	---	-------	-------	---	---	---

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----

IV. Công Đoạn súc rửa

A- Bể trụ đứng, tàu, xà lan; B- Bể trụ nằm, xi, təc

Xăng khoáng các loại, xăng sinh học E5, E10, E100	A	0,010	-	0.010	0,010	0,010	0,010	0,010	0,010	0,010	-	-	-
	B	0,10	-	0.10	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10	-	-	-
Dầu hoả (KO), nhiên liệu bay JET A-1	A	0,008	-	0.008	0,008	0,008	0,008	0,008	0,008	0,008	-	-	0,008
	B	0,08	-	0.08	0,08	0,080	0,08	0,08	0,08	0,08	-	-	0,08
Dầu điêzen (DO) các loại	A	0,007	-	0.007	0,007	0,007	0,007	0,007	0,007	0,007	-	-	-
	B	0,07	-	0.07	0,07	0,070	0,07	0,07	0,07	0,07	-	-	-
Nhiên liệu đốt (FO) các loại	A	0,012	-	0.012	0,012	0,012	0,012	0,012	0,012	0,012	-	-	-
	B	0,12	-	0.12	0,12	0,120	0,12	0,12	0,12	0,12	-	-	-

V. Công Đoạn pha chế

A- Pha chế bằng phương pháp bơm chuyển xăng dầu giữa các bể; B- Pha chế bằng phương pháp khuấy trộn

Xăng sinh học E5, E10	A	0,15	-	0,15	0,15	0,15	-	0,15	0,15	0,14	-	-	-
	B	0,18	-	0,18	0,18	0,18	-	0,18	0,18	0,16	-	-	-
Etanol nhiên liệu E100	A	0,15	-	0,15	0,15	0,15	-	0,15	0,15	0,14	-	-	-
	B	-	-	-	-	-	-	-	-	0,16	-	-	-
Xăng khoáng các loại	A	0,14	-	0,14	0,14	0,14	0.15	0,14	0,14	0,12	-	-	-
	B	0,16	-	0,16	0,15	0,16		0,16	0,16	0,14	-	-	-

Dầu hoả KO, nhiên liệu bay JET A-1	A	0,10	-	0,10	-	0,10	-	0,10	0,10	0,08	-	-	-
	B	0,12	-	0,12	-	0,12	-	0,12	0,12	0,10	-	-	-

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Dầu điêzen (DO) các loại	A	0,10	-	0,10	0,09	0,10	0.10	0,10	0,10	0,08	-	-	-
	B	0,12	-	0,12	0,10	0,12		0,12	0,12	0,10	-	-	-
Nhiên liệu đốt lò các loại (FO)	A	0,10	-	0,10	-	0,10	-	0,10	0,10	0,08	-	-	-
	B	0,12	-	0,12	-	0,12	-	0,12	0,12	0,10	-	-	-

VI. Hao hụt tại các công đoạn còn lại bao gồm: (i)- Hao hụt trong vận chuyển (Vận chuyển bằng đường thủy, Vận chuyển bằng đường bộ và đường sắt, Vận chuyển bằng đường ống, và hao hụt khi tồn trữ trong đường ống); (ii)- Hao hụt trong chuyển tải; (iii)- Hao hụt trong phân phối. Các doanh nghiệp cơ bản lấy theo định mức hao hụt quy định tại Thông tư 43/2015/TT-BCT